

Tính phổ biến và tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội

Trần Thành¹

¹ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Email: thanhvientriet@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 9 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Tóm tắt: Chủ nghĩa xã hội có ba đặc trưng phổ biến. Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội phải có lực lượng sản xuất hiện đại. Thứ hai, chủ nghĩa xã hội phải có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Thứ ba, chủ nghĩa xã hội phải có sự thống trị chính trị của giai cấp công nhân hiện đại. Khi xây dựng chủ nghĩa xã hội, mỗi nước cần đặc thù hóa các đặc trưng phổ biến đó của chủ nghĩa xã hội cho phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể của nước mình. Sự thành công và không thành công của các nước xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mấy thập kỷ gần đây có nguyên nhân ở sự việc đặc thù hóa thành công hoặc không thành công các đặc trưng phổ biến của chủ nghĩa xã hội.

Từ khóa: Chủ nghĩa xã hội, tính phổ biến, tính đặc thù.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Socialism has three characteristics which are of universality. First, it shall have a modern production force. Second, under socialism, there shall be public ownership of the means of production. Third, socialism shall be with the political dominance of the modern working class. When building socialism, each country needs to conduct the work of making the three common characteristics suit its own particular conditions. The successes and failures of countries building socialism in recent decades have been partly attributed to whether the work was successful or not.

Keywords: Socialism, universality, particularity.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Chủ nghĩa xã hội bao hàm cái phổ biến và cái đặc thù. Những nguyên lý phổ biến (những đặc trưng phổ biến) của chủ nghĩa

xã hội có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc định hướng xây dựng xã hội tương lai. Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì cần phải nhận thức đúng những đặc trưng phổ biến đồng thời phải đặc thù hóa

các đặc trưng phổ biến cho phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể của từng nước. Những khiếm khuyết dẫn đến sự sụp đổ hệ thống xã hội chủ nghĩa trong những thập kỷ trước đây và những thành công trong cải cách, đổi mới ở một số nước xã hội chủ nghĩa hiện nay đã chứng tỏ điều đó. Bài viết này phân tích những đặc trưng phổ biến của chủ nghĩa xã hội và sự cần thiết phải đặc thù hóa những đặc trưng phổ biến đó.

2. Tính phổ biến của chủ nghĩa xã hội

Thuật ngữ chủ nghĩa xã hội cho đến nay có thể được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Chủ nghĩa xã hội có thể được hiểu như là một lý tưởng, một khát vọng của nhân loại, một học thuyết, một lý luận, một phong trào, một chế độ hiện thực. Chủ nghĩa xã hội mà chúng tôi đề cập ở đây là một học thuyết do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập, được V.I.Lênin phát triển. Vậy những đặc trưng phổ biến của chủ nghĩa xã hội là gì?

C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng: chủ nghĩa xã hội hay xã hội tương lai “không phải là một *trạng thái* cần sáng tạo ra, không phải là một *lý tưởng* mà hiện thực phải khuôn theo” [7, t.3, tr.51], mà “là một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là do những tiền đề hiện đang tồn tại để ra” [7, t.3, tr.51]. C.Mác và Ph.Ăngghen luôn nhấn mạnh rằng, việc xác định những đặc trưng cụ thể của xã hội tương lai không phải là nhiệm vụ của hai ông. Hai ông không muốn áp đặt những dự báo của mình về xã hội tương lai cho người khác. Khi trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Pháp *Lé Figaro* về những đặc trưng của xã hội tương lai và về mục đích cuối cùng của giai

cấp cách mạng (Ngày 11.5.1893), Ph.Ăngghen khẳng định: “Chúng tôi không có mục đích cuối cùng. Chúng tôi chủ trương *phát triển thường xuyên, không ngừng*, và chúng tôi không có ý định áp đặt cho loài người những quy luật dứt khoát nào đó. Những ý kiến có sẵn trước về các chi tiết tổ chức xã hội tương lai ư? Ông sẽ không tìm thấy chúng tôi nói lời nào về chúng” [7, t.22, tr.801]. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là cho rằng C.Mác và Ph.Ăngghen không chỉ ra những đặc trưng phổ biến của xã hội tương lai. Những đặc trưng đó, như V.I.Lênin đã chỉ ra, “không phải là những dự đoán vu vơ”, hoặc là kết quả của những “suy luận tư biện chủ quan”, mà là dự đoán có căn cứ. Nói đến những căn cứ để đề xuất những dự báo đó, V.I.Lênin chỉ ra rằng, C.Mác và Ph.Ăngghen đã “xuất phát từ chỗ là chủ nghĩa cộng sản *hình thành* từ chủ nghĩa tư bản, phát triển lên, trong quá trình lịch sử, từ chủ nghĩa tư bản, là kết quả của sự tác động của một lực lượng xã hội do chủ nghĩa tư bản *sinh ra*” [6, t.33, tr.104]. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, một số đặc trưng phổ biến của xã hội tương lai (chủ nghĩa xã hội) như sau.

Thứ nhất, cốt vật chất của chủ nghĩa xã hội là lực lượng sản xuất hiện đại. Theo học thuyết của C.Mác, xã hội tương lai được hình thành từ những tiền đề được chính chủ nghĩa tư bản tạo ra, trong đó lực lượng sản xuất hiện đại là “tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết” [7, t.3, tr.49], là cái cốt vật chất làm “nền móng”. Lực lượng sản xuất hiện đại là “tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết vì không có nó thì tất cả sẽ chỉ là *sự nghèo nàn* sẽ trở thành phổ biến; mà với *sự thiếu thốn tột độ* thì ắt sẽ bắt đầu trở lại một cuộc đấu tranh để giành những cái cần thiết, thế là người ta lại không tránh khỏi

rơi vào cũng sự ti tiện trước đây” [7, t.3, tr.49]; “sự phát triển ấy của những lực lượng sản xuất”, “sự tồn tại có tính chất lịch sử thế giới” ấy là điều kiện để khắc phục sự tha hóa con người, thực hiện mục đích cao nhất của lịch sử là sự phát triển tự do và toàn diện của con người.

Thứ hai, thủ tiêu chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Phân tích mổ xẻ nền kinh tế của xã hội tư bản thời bấy giờ, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra rằng: “Những lực lượng sản xuất mà xã hội sẵn có, không thúc đẩy quan hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng; và mỗi khi những lực lượng sản xuất xã hội khắc phục được sự cản trở ấy thì chúng lại xô toàn thể xã hội tư sản vào tình trạng rối loạn và đe dọa sự sống còn của sở hữu tư sản” [7, t.4, tr. 604]. Sự phát triển của công nghiệp lớn không ngừng làm mất đi cái cơ sở mà chế độ sở hữu tư sản dựa vào đó để tồn tại. Để “giải phóng sức sản xuất”, “tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất” làm cơ sở vật chất cho chủ nghĩa cộng sản, dĩ nhiên phải giải phóng mọi xiềng xích đang kìm hãm, thậm chí phá hoại lực lượng sản xuất trong chế độ hiện thời; tức là phải xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản. Về điều này C.Mác và Ph.Ăngghen viết: chế độ tư hữu hiện thời, chế độ sở hữu tư sản, lại là biểu hiện cuối cùng và hoàn bị nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu dựa trên cơ sở những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia; những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu [7, t.4, tr. 616]. Thay cho chế độ tư hữu là chế độ sở hữu xã hội, sở hữu

công cộng, sở hữu chung, chế độ công hữu (các thuật ngữ này đều được C.Mác sử dụng); điều đó nhằm giải phóng sức sản xuất, phát triển lực lượng sản xuất, “tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất” [7, t.4, tr. 626]. Chỉ trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất mới có điều kiện thực hiện được sự phân phối một cách công bằng, phân phối theo lao động, xóa bỏ chế độ người bóc lột người. Xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất không phải là mục đích của chủ nghĩa xã hội, nhưng là điều kiện cơ bản để thực hiện mục đích của chủ nghĩa xã hội; mục đích đó là phát triển không ngừng nền kinh tế hiện đại, xóa bỏ chế độ người bóc lột người và sự đối kháng giai cấp trong xã hội, sự phát triển tự do và toàn diện của con người. Tuy nhiên, xóa bỏ chế độ tư hữu là một quá trình. Lưu ý về điều đó Ph.Ăngghen viết: “Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không? Trả lời: không, không thể được, cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu. Cho nên, cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp nổ ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu” [7, t.4, tr.469].

Thứ ba, thiết lập sự thống trị chính trị của giai cấp công nhân hiện đại. Sự phát triển của công nghiệp lớn không ngừng làm mất đi cái cơ sở mà chế độ sở hữu tư sản dựa vào đó để tồn tại, làm cho sự tồn tại của giai cấp tư sản không còn tương dung với sự tồn tại của xã hội nữa. Giai cấp tư sản không có khả năng tiếp tục làm tròn vai trò

giai cấp thống trị của mình. Giai cấp tư sản từ chỗ là giai cấp cách mạng trở thành giai cấp phản động, cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất. Chế độ tư bản chủ nghĩa sẽ tất yếu lại bị thay thế bằng một chế độ xã hội cao hơn, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. “Những vũ khí mà giai cấp tư sản đã dùng để đánh đổ chế độ phong kiến thì ngày nay quay lại đập vào chính ngay giai cấp tư sản” [7, t.4, tr.605]. Người sử dụng vũ khí đó chính là giai cấp vô sản (giai cấp công nhân hiện đại). Khẳng định điều đó C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những *người vô sản*” [7, t.4, tr.605]. C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra rằng giai cấp vô sản sẽ trở thành giai cấp thống trị không phải chỉ là vì đó là giai cấp bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất, mà là vì đó là giai cấp tiên tiến nhất, cách mạng nhất, đại biểu cho sự phát triển lực lượng sản xuất hiện đại. Tổng kết kinh nghiệm lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và xét địa vị kinh tế của giai cấp đó trong nền sản xuất hiện đại, C.Mác đã kết luận rằng: để đi tới một xã hội không còn giai cấp, giai cấp vô sản phải trở thành giai cấp thống trị và nắm lấy quyền lực nhà nước để thực hiện sự thống trị chính trị của mình. Khẳng định điều đó, C.Mác viết: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nô sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy, là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*” [7, t.19, tr.47].

Ba đặc trưng cơ bản mà C.Mác và Ph.Ăngghen vạch ra trên là những đặc trưng chung nhất, phổ biến nhất của chủ nghĩa xã hội. Trong đó, lực lượng sản xuất hiện đại là nền móng của chủ nghĩa xã hội, là tiền đề xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa; chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và sự thống trị chính trị của giai cấp công nhân hiện đại là điều kiện, là cơ sở kinh tế - chính trị để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội không có giai cấp, không có bóc lột, phát triển toàn diện con người. Ba đặc trưng đó tác động biện chứng với nhau. Chưa có được lực lượng sản xuất hiện đại làm nền móng thì chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, sự thống trị chính trị của giai cấp công nhân hiện đại chưa có cơ sở kinh tế vững chắc. Có lực lượng sản xuất hiện đại mà không thiết lập chế độ công hữu và sự thống trị của giai cấp công nhân hiện đại thì cũng chỉ luẩn quẩn trong quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Nói về những đặc trưng phổ biến mô hình xã hội tương lai mà mình đã đề xuất trên đây, C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Những quan điểm lý luận của những người cộng sản tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh hay phát hiện ra, những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát những quan hệ thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một sự vận động lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta” [7, t.3, tr. 615].

3. Tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội không ngừng được làm phong phú bởi phong trào thực tiễn. Khi xây dựng chủ nghĩa xã hội, mỗi nước cần đặc thù hóa những đặc trưng phổ biến của chủ nghĩa xã hội cho phù hợp với điều kiện

cụ thể của nước mình. Nói về sự cần thiết đặc thù hóa những đặc trưng phổ biến trong việc biến chủ nghĩa xã hội khoa học thành chủ nghĩa xã hội hiện thực V.I.Lênin đã chỉ ra rằng: “Không phải chỉ là cái phổ biến trừu tượng, mà là cái phổ biến bao hàm cả sự phong phú của cái đặc thù, cái cá thể, cái cá biệt (tất cả sự phong phú của cái đặc thù và cái cá biệt!)” [6, t.29, tr.108]; “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội” [6, t.30, tr.160], “những người xã hội chủ nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải *tự mình* phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý *chỉ đạo* chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, xét *riêng từng nơi*, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga” [6, t.4, tr.232].

Ở thời đại mình V.I.Lênin đã lãnh đạo cuộc cách mạng xã hội xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới và khai sinh ra chủ nghĩa xã hội hiện thực, mở ra một thời đại mới trong lịch sử nhân loại, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ lãnh đạo cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, V.I.Lênin đã tiến hành những thử nghiệm đáng quý về lý luận và thực tiễn nhằm tìm kiếm mô hình, con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với tình hình thực tế của một nước kinh tế, văn hóa còn lạc hậu. Chính sách cộng sản thời chiến trong mấy

năm đầu (1918-1920) trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Nga có tính hợp lý, nhưng chính sách đó cũng thiếu sự đặc thù hóa cái phổ biến cho phù hợp với điều kiện cụ thể của nước Nga lúc bấy giờ. Sau này khi chuyển sang chính sách kinh tế mới (NEP) vào năm 1921, V.I.Lênin đã tự chỉ trích sai lầm trong nhận thức lý luận hồi đó. Đó là sử dụng mô hình “quá độ trực tiếp” theo con đường thẳng tiến đến chủ nghĩa cộng sản. Quyết sách chính trị này dựa trên nhiệt tình cách mạng và ý chí chủ quan muốn nhanh chóng thực hiện chủ nghĩa cộng sản nhưng lại thoát ly điều kiện thực tế và hoàn cảnh lịch sử, đó là tình trạng lạc hậu về kinh tế, văn hóa. Xét về mặt nào đó, như V.I.Lênin nói, chính sách kinh tế mới là một bước lùi, nhưng đó là bước lùi cần thiết, tạm thời để sau đó tiến những bước vững vàng, mạnh mẽ hơn. Tuy đó là bước lùi, nhưng thực chất đó là sự vận dụng một cách đúng đắn hơn những đặc trưng phổ biến vào điều kiện lịch sử - cụ thể của một nước có xuất phát điểm thấp đi lên chủ nghĩa xã hội. NEP thực sự là một bước ngoặt trong lịch sử sinh thành chủ nghĩa xã hội hiện thực. Cái chết của Lênin 1924 đã làm gián đoạn sự vận động của NEP.

Dưới sự lãnh đạo của Xtalin, vào những năm 30 của thế kỷ XX, Liên xô đã thiết lập mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Sau chiến tranh thế giới thứ II, một loạt nước xã hội chủ nghĩa ra đời; chủ nghĩa xã hội chuyển từ một nước sang hệ thống trên thế giới. Có thể nói, trong 70 năm chủ nghĩa xã hội hiện thực đã có những thành tựu vô cùng to lớn, không thể phủ nhận. Nhưng tồn thất của kết cục đó cũng không nhỏ. Chủ nghĩa xã hội rơi vào tình trạng trì trệ kéo dài dẫn đến khủng

hoảng cả hệ thống và sự sụp đổ trên một mảng lớn. Chủ nghĩa xã hội rơi vào tình trạng thoái trào. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trì trệ, khủng hoảng và sụp đổ trên một mảng lớn của chủ nghĩa xã hội hiện thực là quan niệm giản đơn, cứng nhắc, giáo điều về những đặc trưng phổ biến của chủ nghĩa xã hội; là sự vận dụng những đặc trưng phổ biến của chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn mà không tính đến điều kiện lịch sử - cụ thể, hoặc là “sáng tạo” một cách tư biện chủ quan dựa trên ý chí bất chấp quy luật. Những khuyết tật, hạn chế của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên xô bắt nguồn từ những lệch lạc đó.

Mô hình đó lại được coi là mô hình duy nhất của chủ nghĩa xã hội và bị áp đặt một cách phổ biến cho các nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Cũng từ đây, một tình huống có vấn đề mới lại xuất hiện trong đời sống chủ nghĩa xã hội hiện thực. Đó là đồng nhất chủ nghĩa xã hội với mô hình Xô viết. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội được xây dựng thành một mô hình cứng nhắc, rồi theo khuôn mẫu đó đối chiếu với hiện thực để quyết định những gì cần phá bỏ, hoặc tạo dựng thêm. Những giải pháp ấy còn được đề lên thành nguyên tắc, thành quy luật. Lúc này bệnh giáo điều, chủ quan và không tưởng là căn bệnh mà không ít đảng cầm quyền mắc phải nhưng chậm phát hiện, sửa chữa, khắc phục. Thiếu sự đặc thù hóa đặc trưng phổ biến của chủ nghĩa xã hội, đồng nhất chủ nghĩa xã hội với một mô hình cụ thể là căn nguyên dẫn đến khủng hoảng và sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội trên một mảng lớn.

4. Kết luận

Từ những bài học thành công và không thành công của 70 năm trước đây và những

kinh nghiệm thành công trong cải cách, đổi mới của các nước xã hội chủ nghĩa trong mấy thập kỷ gần đây, có thể rút ra mấy bài học kinh nghiệm cho tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI sau đây. *Thứ nhất*, không nên áp dụng cứng nhắc các đặc trưng phổ biến của chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, trên thực tế, không có một mô hình chủ nghĩa xã hội chung cho tất cả các nước. Mô hình của chủ nghĩa xã hội dĩ nhiên bao hàm trong đó cái phổ biến. Nhưng bất cứ cái chung nào cũng là một bộ phận, một khía cạnh, hay một bản chất của cái riêng; bất cứ cái chung nào cũng chỉ bao quát một cách đại khái tất cả mọi vật riêng lẻ; bất cứ cái riêng nào cũng không gia nhập đầy đủ vào cái chung [6, t.29, tr.381]. Việc “sáng tạo” ra một mô hình chủ nghĩa xã hội rồi áp đặt mô hình đó cho các nước xây dựng chủ nghĩa xã hội chắc chắn sẽ không tránh khỏi những khiếm khuyết. *Thứ hai*, cần đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội. Việc kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, kiên trì mục tiêu chủ nghĩa xã hội là cần thiết; nhưng điều đó phải trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội, về mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cần xem xét lý luận về chủ nghĩa xã hội trong tính chỉnh thể, tính hệ thống; phải xác định được chính xác các đặc trưng phổ biến của chủ nghĩa xã hội và các đặc trưng phái sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không phân biệt được điều đó (tức là nhập cục cái phổ biến với cái phái sinh, luẩn quẩn với những vấn đề có tính chất cục bộ, tạm thời) sẽ dẫn đến những sai lầm trong thực tiễn. Giải phóng tư duy ra khỏi tình trạng giáo điều hóa chủ nghĩa Mác-Lênin là một nhiệm vụ hết sức khó khăn phức tạp. Bởi lẽ trong nhiều thập kỷ qua, quan niệm giáo điều về chủ nghĩa xã hội đã từng được

coi là quan niệm chính thống, đã ăn sâu trong đầu óc của nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng. Quan niệm là trở lực không dễ gì thay đổi. Những người phê phán những quan niệm lệch lạc đó nhiều khi lại bị quy chụp là “hữu khuynh”, “xét lại”, “tự diễn biến”. Đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội là cuộc đấu tranh tư tưởng phức tạp và lâu dài. Trên không ít vấn đề và trong không ít trường hợp, ranh giới giữa quan niệm mới với quan niệm sai lầm là hết sức mỏng manh và đôi khi không thật rõ ràng. Để đổi mới có kết quả mô hình chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải có một tư duy sáng tạo, một tinh thần trách nhiệm cao, một thái độ dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật. *Thứ ba*, cần đặc thù hóa các đặc trưng phổ biến về cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội cho phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể của từng nước. Vấn đề nhạy cảm nhất trong cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa là vấn đề xác định chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất. Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức về vấn đề này ngày càng rõ ràng hơn, đúng đắn hơn. Cương lĩnh của Đảng (1991) khẳng định: chủ nghĩa xã hội phải có “nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” [3, tr.8]. Văn kiện Đại hội X cho rằng, chủ nghĩa xã hội phải có “nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và *quan hệ sản xuất phù hợp* với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất” [4, tr.68]. Cách thể hiện này tránh được cách hiểu coi nhẹ đối với khu vực kinh tế tư nhân, nhưng dễ dẫn đến lệch hướng. Đại hội XI đã khắc phục những hạn chế trên. Cương lĩnh mới của Đảng (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: chủ nghĩa xã hội phải có “nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất

hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp” [5, tr.70]. Quan niệm mới đó đã được tiếp tục được khẳng định trong Đại hội XII của Đảng. Khái niệm “quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp” là một khái niệm mới có tính sáng tạo cao của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó không chỉ là cách diễn đạt với từ ngữ mới, mà còn là sự vận dụng một cách sáng tạo quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển lực lượng sản xuất thông qua tổng kết thực tiễn của 25 năm đổi mới ở Việt Nam. Lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có thể thích ứng với nhiều loại hình quan hệ sản xuất khác nhau. Điều đó cho phép lựa chọn những quan hệ sản xuất vừa phù hợp vừa tiến bộ (có lợi nhất cho sự phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa). Khái niệm “quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp” là khái niệm có tính định hướng chính trị và tính thực tiễn cao trong việc xác lập quan hệ sản xuất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam. Quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp không hoàn toàn đồng nhất với quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa (tồn tại dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể) là biểu hiện rõ nhất của quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp. Quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp bao hàm trong đó cả các loại hình quan hệ sản xuất dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, kinh tế tư nhân nếu phát triển một cách tự phát thì rất dễ đẩy nền kinh tế rơi vào hỗn loạn, mất cân đối, khủng hoảng và lệch hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng kinh tế tư nhân nếu được quản lý, điều tiết một cách đúng đắn thì sẽ là quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp. Khái niệm “quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp” không chỉ phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể ở Việt Nam,

mà còn có giá trị tham khảo cho các nước với xuất phát điểm thấp đi lên chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Chí Bảo (1993), *Chủ nghĩa xã hội hiện thực: Khủng hoảng, đổi mới và xu hướng phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Đức Bình (Chủ biên) (2003), *Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] V.I.Lênin (1978, 1981), *Toàn tập*, t.4, t.29, t.30, t.33, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
- [7] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.3, t.4, t.19, t.22, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Phú Trọng (Chủ biên) (2006), *Đổi mới và phát triển ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Chu Thiện Văn, Chu Cẩm Úy, Trần Tích Hỷ (1999), *Chủ nghĩa xã hội là gì? Xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào (bản chất của chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] Trần Thành (Chủ biên) (2013), *Chủ nghĩa xã hội Việt Nam hiện nay - Những quan điểm lý luận cơ bản*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.